

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2023
Về việc: Ly hôn, chia tài sản
chung, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 517/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh T L, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 0/0, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Lư T G, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 0/0, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Du Thị B – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Công N, sinh năm 1975 (có mặt).

2/ Bà Tô Thị T, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 0/0, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3/ Công ty tài chính TNHH MTV M (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu 1, Sài Gòn Royal-91 B, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Lưu Thị L, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 0/0, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Huỳnh T L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Lư T G kết hôn với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không hàn gắn được, đã ly thân với nhau khoảng 2-3 tháng nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung gồm có:

+ 01 căn nhà cấp 4 cất trên phần đất của cha mẹ cho mượn tại ấp 0/0, xã K, huyện Trần Văn Thời (cha mẹ của chị L tên Huỳnh Công N và Tô Thị T), xây cất vào năm 2021, tiền xây cất là 400.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nhận căn nhà, đồng ý hoàn lại cho anh G $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 200.000.000 đồng.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Vario 150cc, mua vào năm 2019, trị giá khi mua là 55.000.000 đồng, giấy tờ xe do chị L đứng tên, hiện nay chị L đang quản lý xe và giấy tờ xe. Khi ly hôn, chị L yêu cầu nhận xe, đồng ý hoàn lại cho anh G $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 27.500.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung:

+ Nợ ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T số tiền 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k, mượn nợ vào năm 2021 để phụ tiền xây cất căn nhà cấp 4 được nêu tại phần tài sản chung. Khi ly hôn, chị L yêu cầu chia đôi số nợ này, anh G và chị L mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông N, bà T $\frac{1}{2}$ số tiền là 20.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k.

+ Nợ tiền hụi của bà Lưu Thị L 20.000.000 đồng. Khi chung sống vợ chồng thì cha của chị L là ông Huỳnh Công N có đứng ra chơi dùm vợ chồng chị 02 chung hụi của bà L (chung 01 dây hụi), loại 2.000.000 đồng/tháng. 02 chung hụi này đã hót hụi xong, hót để xây cất nhà, hót lúc nào thì không nhớ; Dây hụi này còn nợ 05 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng/02 chung với số tiền 20.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu chia đôi số nợ này, chị L và anh G mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà L $\frac{1}{2}$ số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Nợ Công ty tài chính TNHH MTV M số tiền 29.744.000 đồng. Vào năm 2021 cha của chị tên Huỳnh Công N đứng ra vay dùm để cho vợ chồng chị làm vốn cất nhà, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 29.744.000 đồng. Khi vay có làm đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2212004 ngày 27/4/2021. Khoản nợ này hiện nay chị L vẫn đang tiếp tục trả cho Công ty. Khi ly hôn, chị L yêu cầu chia đôi số nợ này, chị L và anh G có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính $\frac{1}{2}$ số nợ là 14.872.000 đồng.

Ngoài ra, không còn nợ chung nào khác và cũng không ai nợ lại vợ chồng.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lư T G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Giang và chị Huỳnh T L chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì, tự nhiên chị L bỏ về nhà cha mẹ ở từ ngày 11/9/2022 cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn thì anh G không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung gồm có:

+ 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất cha mẹ vợ vào năm 2021, trị giá 400.000.000 đồng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh G đồng ý giao căn nhà cho chị L quản lý, sử dụng. Chị L có trách nhiệm hoàn lại cho anh G số tiền 200.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của chị L.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575 do chị L đứng tên giấy tờ xe, xe trị giá 55.000.000 đồng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh G đồng ý giao xe cho chị L quản lý, sử dụng. Chị L có trách nhiệm hoàn lại cho anh G số tiền 27.500.000 đồng theo đơn khởi kiện của chị L.

+ 01 bộ salon bằng gỗ trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ bàn ăn bằng gỗ trị giá 5.000.000 đồng và 01 tủ lạnh hiệu samsung trị giá 10.000.000 đồng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh G đồng ý giao cho chị L quản lý, sử dụng. Chị L có trách nhiệm hoàn lại cho anh G 12.500.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T trình bày: Vào khoảng tháng 3/2021 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng L, Giang mượn 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k để vợ chồng L, G xây cất căn nhà cấp 4 tại ấp 0/0, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Còn phần đất L, G cất nhà là đất của vợ chồng ông bà cho mượn. Khi vợ chồng ông bà cho L, G mượn 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k thì không có giấy tờ. Nay L, G ly hôn thì ông bà yêu cầu L, Giang mỗi người phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà 20.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k.

Về khoản nợ hụi của bà Lưu Thị L thì vào năm 2019 ông N có đứng ra chơi dùm cho L, G 02 chung hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, đây hụi gồm 36 chung. 02 chung hụi này của L, G đã hót hụi xong để cất nhà, hiện còn nợ lại 05 kỳ hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng đúng như lời trình bày của L. Trên danh sách hụi viên là do ông đứng tên, khi hót hụi thì ông N là người đứng ra hót rồi đưa tiền cho L, G; Đóng hụi chết thì L, G đưa tiền cho ông N đóng. Bà L không biết L, G. Ông N xác định khoản nợ hụi của bà L là trách nhiệm của ông vì ông đứng ra tham gia chơi 02 chung hụi này; còn trách nhiệm của L, G đối với ông thì ông sẽ yêu cầu sau.

Tại văn bản nêu ý kiến số 689/2022/VC-MAFC ngày 07/12/2022 Công ty tài chính MTV M trình bày: Người ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Công ty là ông Huỳnh Công N, không phải bà Huỳnh T L và ông Lư T G. Theo số liệu Công ty ghi nhận, ông N đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn theo như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc trả nợ vay của ông Nghiệp trong cùng vụ án ly hôn của bà L và ông G.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Huỳnh T L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về tài sản gồm 01 bộ salon bằng gỗ trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ bàn ăn bằng gỗ trị giá 5.000.000 đồng và 01 tủ lạnh hiệu samsung trị giá 10.000.000 đồng anh Giang cho rằng là tài sản chung thì chị không thống nhất. Chị L cho rằng bộ salon và bộ bàn ăn bằng gỗ là của cha mẹ chị cho riêng chị, còn tủ lạnh là do bên nhà chồng cho. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nhận bộ salon và bộ bàn ăn bằng gỗ, đồng ý giao tủ lạnh hiệu samsung cho anh G quản lý, sử dụng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông N, bà T về việc buộc anh G có trách nhiệm trả ½ của số tiền 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k vì anh G không có mượn tiền, vàng của ông N, bà T. Về tài sản chung, đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh G và chị L là giao căn nhà cấp 4, chiếc xe hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575 cùng với bộ salon và bộ bàn ăn bằng gỗ cho chị L quản lý, sử dụng. Chị L có trách nhiệm giao 01 tủ lạnh hiệu samsung cho anh G quản lý, sử dụng và hoàn lại cho anh G ½ giá trị của căn nhà cấp 4 là 200.000.000 đồng và ½ giá trị chiếc hiệu Vario là 27.500.000 đồng.

- Bị đơn anh Lư T G thừa nhận khi say sưa có đánh đập chị L, vợ chồng ly thân khoảng 05 tháng nay, vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị L. Chị L yêu cầu nhận bộ salon và bộ bàn ăn bằng gỗ, giao tủ lạnh hiệu samsung cho anh G quản lý, sử dụng thì anh G đồng ý. Đối với căn nhà cấp 4 và chiếc xe hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575, anh G thống nhất không định giá tài sản, thống nhất với giá do chị L đưa ra, đồng ý giao tài sản cho chị L quản lý, sử dụng; Chị L có trách nhiệm hoàn lại cho anh G ½ giá trị tài sản của căn nhà cấp 4 và chiếc xe. Về nợ, anh G xác định không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu anh G và chị L mỗi người có trách nhiệm trả cho ông bà ½ của số tiền 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh T L được ly hôn với anh Lư T G.

+ Về con chung: Không có

+ Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh G về việc: Giao căn nhà cấp 4; chiếc xe hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575; 01 bộ salon bằng gỗ và 01 bộ bàn ăn bằng gỗ cho chị Ly tiếp tục quản lý sử dụng; Chị L có trách nhiệm giao lại cho anh G quản lý, sử dụng 01 tủ lạnh hiệu samsung và hoàn lại cho anh G ½ giá trị của căn nhà cấp 4 với số tiền 200.000.000 đồng; ½ giá trị của chiếc xe Vario 150cc, biển số 69N1-52575 với số tiền 27.500.000 đồng.

+ Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T, buộc anh G và chị L mỗi người có trách nhiệm trả cho ông N, bà T số tiền 20.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền nợ hui của bà Lưu Thị L 20.000.000 đồng thì bà L xác định là giao dịch với ông N và bà không yêu cầu trong vụ án này, ông N xác định chưa yêu cầu trong vụ án này. Còn đối với số tiền nợ Công ty tài chính 29.744.000 đồng thì tại hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2021 thể hiện người vay là ông Huỳnh Công N và phía Công ty cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh T L và anh Lư T G kết hôn với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh G được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi, anh G thường xuyên say sấn và có hành vi đánh đập vợ, mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 05 – 06 tháng nay nên cương quyết xin ly hôn. Anh G thừa nhận khi say sấn có đánh đập chị L, vợ chồng ly thân khoảng 05 tháng nay, vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh G.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh G thống nhất xác định các loại tài sản chung, trị giá và chia đôi tài sản chung, cụ thể:

+ 01 căn nhà cấp 4 cất trên phần đất của cha mẹ cho mượn tại ấp 19/5, xã K, huyện T (cha mẹ của chị L tên Huỳnh Công N và Tô Thị T), xây cất vào năm 2021, tiền xây cất là 400.000.000 đồng. Căn nhà hiện nay do chị L quản lý. Khi ly hôn, chị L và anh G thống nhất thỏa thuận, giao căn nhà cho chị L tiếp tục quản lý sử dụng, chị L có trách nhiệm hoàn lại cho anh G ½ giá trị căn nhà là 200.000.000 đồng.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575, mua vào năm 2019, trị giá khi mua là 55.000.000 đồng, giấy tờ do chị L đứng tên, hiện nay chị L đang quản lý xe và giấy tờ xe. Khi ly hôn, chị L và anh G thống nhất thỏa thuận, giao xe cho chị L tiếp tục quản lý, sử dụng; chị L có trách nhiệm hoàn lại cho anh G ½ giá trị xe là 27.500.000 đồng.

+ 01 bộ salon bằng gỗ trị giá 10.000.000 đồng, 01 bộ bàn ăn bằng gỗ trị giá 5.000.000 đồng và 01 tủ lạnh hiệu samsung trị giá 10.000.000 đồng. Các tài sản này hiện nay chị L đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn, chị L và anh G thống nhất thỏa thuận, chị L được quyền tiếp tục quản lý sử dụng bộ sallon và bộ bàn ăn bằng gỗ; Giao cho anh G được quyền quản lý, sử dụng 01 tủ lạnh hiệu samsung.

Ngoài các khối tài sản trên, chị L và anh G xác định không còn tài sản chung nào khác.

[4] Về nợ gồm có:

- Ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T xác định, vào khoảng tháng 3/2021 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng L, G mượn 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k để vợ chồng L, G xây cất căn nhà cấp 4 tại ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Còn phần đất L, G cất nhà là đất của vợ chồng ông bà cho mượn. Khi vợ chồng ông bà cho L, G mượn 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k thì không có giấy tờ. Nay L, G ly hôn thì ông bà yêu cầu L, G mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền, vàng trên.

Anh G cho rằng không có mượn tiền vàng của ông N, bà T. Nguồn tiền vợ chồng anh dùng để cất nhà là do tích góp được từ tiền lương của vợ chồng từ khi kết hôn năm 2018 đến năm 2021 là 03 năm và 04 chỉ vàng do cha mẹ cho trong ngày cưới. Chị L thừa nhận có mượn số tiền và vàng đúng như ông N, bà T trình bày, mượn vào năm 2021 dùng để cất nhà cấp 4 nêu tại phần tài sản chung. Chị L xác định lời trình bày của anh G cho rằng vợ chồng tích góp được 400.000.000 đồng từ tiền lương để cất nhà là không đúng. Chị L xác định nguồn tiền dùng để cất nhà trong đó có 06 chỉ vàng vợ chồng tích góp, 04 chỉ vàng cho trong ngày cưới, 02 chung hui đã hốt trước đó được khoảng 22.000.000 đồng, 02 chung hui hốt của bà L khoảng 110.000.000 đồng, vay của Công ty tài chính 60.000.000 đồng, cha mẹ ruột cho 50.000.000 đồng, mượn của cha mẹ ruột 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k, ngoài ra không còn nguồn tiền nào khác.

Thấy rằng, tại phiên tòa, anh G và chị L thừa nhận anh chị là công nhân tại Công ty Minh Phú, hưởng lương theo sản phẩm, mức thu nhập bình quân của vợ chồng hàng tháng khoảng từ 11 đến 12 triệu đồng, ngoài ra không còn nguồn thu nhập nào khác. Từ khi kết hôn năm 2018 đến khi cất nhà vào năm 2021 thì vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng, hàng tháng thì vợ chồng phải phụ góp tiền sinh hoạt cho gia đình, chi phí tiền sinh hoạt riêng cho cá nhân vợ chồng. Ngoài ra, trong năm 2019 vợ chồng mua trả góp chiếc xe hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575, thời hạn trả góp là 12 tháng, mỗi tháng góp khoảng gần 4.000.000 đồng. Đối chiếu với nguồn thu nhập của L, G, chi phí sinh hoạt trong 03 năm từ kết hôn như nêu trên thì việc anh G cho rằng vợ chồng tích góp được số tiền 400.000.000 đồng để xây nhà là không phù hợp. Mặc dù, việc ông N, bà T cho vợ chồng L, G mượn tiền vàng không có giấy tờ chứng minh nhưng xét từ góc độ mối quan hệ nhân thân trong gia đình cũng như nguồn thu nhập của chị L, anh G như phân tích nêu trên thì có cơ sở để xác định việc ông N, bà T cho vợ chồng L, G mượn 40.000.000 đồng và 16 chỉ vàng để xây cất nhà là thực tế có xảy ra. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông N, bà T buộc L G mỗi người có trách nhiệm trả cho ông N, bà T 20.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K.

- Đối với số tiền nợ hui của bà Lưu Thị L 20.000.000 đồng thì bà L xác định là giao dịch với ông N. Qua làm việc, bà L xác định không yêu cầu trong vụ án này, ông N xác định chưa yêu cầu trong vụ án này. Còn đối với số tiền nợ Công ty tài chính 29.744.000 đồng thì tại hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2021 thể hiện người vay là ông Huỳnh Công N và phía Công ty cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000 đồng, chị Ly đã nộp xong nên buộc anh G phải hoàn lại cho chị Ly ½ chi phí tố tụng là 250.000 đồng.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Chị L và anh G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được chia sau khi trừ đi phần nghĩa vụ mà các đương sự phải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T không phải chịu án phí, có dự nộp được nhận lại.

Căn cứ vào bảng giá vàng do Hội mỹ nghệ Kim Hoàn công bố tại thời điểm xét xử thì vàng 24k có giá 5.300.000 đồng/chỉ, để buộc các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh T L được ly hôn với anh Lư T G.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung:

- Chị Huỳnh T L được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 tại ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; 01 chiếc xe hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575; 01 bộ salon bằng gỗ; 01 bộ bàn ăn bằng gỗ.

- Buộc chị Huỳnh T L hoàn trả cho anh Lư T G ½ giá trị căn nhà cấp 4 tại ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); ½ giá trị chiếc xe hiệu Vario 150cc, biển số 69N1-52575 với số tiền 27.500.000 đồng và giao lại cho anh G được quyền quản lý sử dụng 01 tủ lạnh hiệu samsung.

4. Về nợ: Buộc chị Huỳnh T L và anh Lư T G, mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Công N, bà Tô Thị T số tiền 20.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc anh G có trách nhiệm trả lại cho chị L số tiền 250.000 đồng.

Đối với các số tiền buộc trả, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Huỳnh T L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch là 9.005.000 đồng. Ngày 03/10/2022 chị L đã nộp tạm

ứng 5.688.000 đồng theo biên lai số 0005400 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ. Chị L còn phải nộp tiếp số tiền 3.317.000 đồng.

- Anh Lư T G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 8.755.000 đồng.

- Ông Huỳnh Công N và bà Tô Thị T không phải chịu án phí, ngày 20/10/2022 có nộp tạm ứng 3.044.000 đồng theo lai thu số 0005547 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình, H.Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang